

Bản án số: 973/2024/DS-ST
Ngày: 27-9-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Châu Thị Lệ

2. Bà Võ Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Lê Quỳnh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Đinh Hương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 889/2024/TLST- DS ngày 17/6/2024 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 532/2024/QĐXXST-DS ngày 12/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 517/2024/QĐST-DS ngày 05/9/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị N, sinh năm 1972 ; địa chỉ cư trú: Khu 5, ấp C, xã P, huyện N, tỉnh Đ (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Tài L, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Số 22/18/5 Đường số A, Phường B, quận G, Thành phố H. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Võ Thị N trình bày:

Do có quan hệ quen biết, bà Võ Thị N có cho ông Nguyễn Tài L vay tiền nhiều lần. Do trong thời gian dịch bệnh Covid- 19 nên giữa bà và ông L không lập giấy vay tiền trực tiếp mà ông L viết giấy vay tiền và chụp gửi qua zalo cho bà N, sau đó bà chuyển khoản tiền vay cho ông L cụ thể là giấy vay tiền ngày 01/9/2021; Giấy vay tiền ngày 06/9/2021; Ngày 15/9/2021 bà đưa tiền trực tiếp cho ông L nhưng không lập giấy vay. Đến ngày 24/3/2023 ông L lập giấy cam kết trả nợ với nội dung xác định số tiền còn nợ lại là 170.000.000 (một trăm bảy mươi triệu) đồng

và tiền lãi và hẹn ngày 28/3/2023 sẽ trả trước số tiền 150.000.000 đồng cho bà N, số còn lại và tiền lãi xin trả trong thời hạn 01 tháng sau. Tuy nhiên, đến hạn ngày 28/4/2023 ông L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền vốn và lãi cho bà như đã cam kết.

Nay, bà N khởi kiện yêu cầu ông L có trách nhiệm trả cho bà số tiền còn nợ là 170.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh 10%/ năm tính từ lần cho vay cuối cùng ngày 15/9/2021 cho đến khi xét xử sơ thẩm, trả ngay một lần sau khi bản án có hiệu lực phát luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm như trên.

Bị đơn ông Nguyễn Tài L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để ghi lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

Về người tham gia tố tụng: chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Bị đơn ông Nguyễn Tài L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án thì đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản là loại vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo kết quả xác minh của Công an Phường 8 quận Gò Vấp, có nội dung: Dương sự Nguyễn Tài L, sinh năm 1974 có hộ khẩu thường trú tại 22/18/5 Đường số 21, Phường 8, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện tại đang là chủ hộ, chưa phát hiện chuyển hộ khẩu đi nơi khác”. Căn cứ điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, bị đơn ông Hoàng Đình Thăng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có lời khai và các tài liệu, chứng cứ giao nộp cho Tòa án để thể hiện sự phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xét xét theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả khoản tiền 170.000.000 (một trăm bảy mươi triệu) đồng.

Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 01/9/2021, giấy vay tiền ngày 06/9/2021, khoản vay không ghi giấy 15/9/2021 và giấy cam kết trả nợ ngày 24/3/2023 có chữ ký của ông Nguyễn Tài L do bà Võ Thị N xuất trình, Theo Giấy cam kết trả nợ ngày 24/3/2023 (ông Nguyễn Tài L ký ghi họ tên với tư cách người cam kết) gửi cho bà N có nội dung: “ Hiện nay, tôi có vay của chị Võ Thị N ngụ tại Nhơn Trạch, Đồng Nai số tiền là 170.000.000 (Một trăm bảy mươi triệu đồng)”...“Ngày 28/3/2023 tôi sẽ thanh toán trước cho chị N 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu đồng) số còn lại và lãi suất theo thỏa thuận tôi xin hẹn đúng 01 tháng sau sẽ thanh toán dứt điểm”.

Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ xác định ông Nguyễn Tài L có vay của bà Võ Thị N tổng số tiền 170.000.000 (một trăm bảy mươi triệu) đồng, giữa hai bên có thỏa thuận lãi suất nhưng không xác định rõ lãi suất.

Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 24/4/2023 theo nội dung cam kết, ông L vẫn không trả nợ cho bà N số tiền vốn và lãi là vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với nguyên đơn. Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền 170.000.000 (một trăm bảy mươi triệu) đồng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả khoản tiền lãi với mức lãi suất 10%/ năm tính từ ngày 15/9/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy :

Như đã nhận định ở phần trên, quan hệ giao dịch vay mượn tiền giữa bà N và ông L là Hợp đồng vay tài sản có lãi. Theo các giấy vay tiền 01/9/2021, giấy vay tiền ngày 06/9/2021 và khoản vay không ghi giấy ngày 15/9/2021 với tổng số tiền 170.000.000 đồng. Do các khoản vay thời hạn khác nhau nhưng bà N yêu cầu Hội đồng xét xử lấy thời hạn cho vay cuối cùng là ngày 15/9/2021 để làm cơ sở tính lãi trên tổng số tiền vay 170.000.000 đồng. Yêu cầu của bà N là có lợi cho phía

nguyên đơn và không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại các giấy vay tiền và giấy cam kết do ông L lập gửi cho bà N không ghi rõ mức lãi suất nên căn cứ Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả khoản tiền lãi với mức lãi suất 10%/ năm tính từ ngày 15/9/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Mức lãi suất được tính như sau:

$170.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 3 \text{ năm} = 51.558.904 \text{ đồng}$

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Tài L thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Võ Thị N với tổng số tiền nợ gốc là 170.000.000 đồng và lãi là 51.558.904 đồng. Tổng số tiền buộc bị đơn phải thanh toán là 221.558.904 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định tại các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ngoài ra, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[4] Về án phí:

Bị đơn ông Nguyễn Tài L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn bà Võ Thị N không phải chịu án phí nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp

Vì các lẽ trên ;

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 227, 228, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 13 Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị N

Buộc ông Nguyễn Tài L phải trả cho bà Võ Thị N tổng số tiền là 221.558.904 đồng (Hai trăm hai mươi một triệu năm trăm năm mươi tám ngàn chín trăm lẻ bốn đồng). Trong đó số tiền nợ gốc 170.000.000 đồng, số tiền nợ lãi 51.558.904 đồng. Trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Tài L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.077.945 đồng.

Bà Võ Thị N không phải chịu án phí nên hoàn trả cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0013986 ngày 17/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hương

